

## CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH– WORLD ENGLISH

- Sinh viên học Chương trình đại học bằng tiếng Anh có Chuẩn đầu ra Tiếng Anh đạt **trình độ B2+** (quốc tế), tương đương **IELTS 6.0** (hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương đương).
- Chương trình World English là chương trình được xây dựng để SV chương trình đại học bằng tiếng Anh đạt được chuẩn đầu ra sau khóa học. Chương trình World English mang đến môi trường học tập, trải nghiệm với chương trình quốc tế cập nhật và hiệu quả nhất cho các bạn học sinh Việt Nam. Tiếng Anh không chỉ dừng lại ở chứng chỉ và bằng cấp. Trong chương trình này, sinh viên sẽ đặc biệt được rèn luyện để trở thành những công dân toàn cầu – tiếng Anh tốt, tự tin, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy mở (growth mindset) và trải nghiệm hoàn toàn trong môi trường 100% tiếng Anh. Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên sẽ có phát âm rõ ràng, có khả năng nghe bài giảng từ các giáo sư hàng đầu trên thế giới, nói chuyện và tranh luận với bạn bè quốc tế bằng tiếng Anh, đọc sách và các bài nghiên cứu, thuyết trình và tranh biện trước đám đông đồng thời sẵn sàng cho việc học tập nâng cao, học tập suốt đời và nghiên cứu.

### Điều kiện tiếng Anh đầu vào

Đối với *thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là Tiếng Anh* phải có Chứng chỉ IELTS **5.0** trở lên hoặc chứng chỉ quốc tế khác tương đương. Trường hợp người học chưa có chứng chỉ tiếng Anh IELTS **5.0** hoặc tương đương phải dự thi Bài thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào để được xác nhận đủ điều kiện Tiếng Anh theo học chương trình (trừ ngành Ngôn ngữ Anh).

Bài thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào gồm các 4 kỹ năng, 3 bài thi:

- Bài thi 1: Đánh giá khả năng sử dụng Tiếng Anh, Đọc và Nghe: theo cấu trúc bài thi Cambridge English Placement Test (CEPT).
- Bài thi 2: Kỹ năng Viết, thời gian: 45 phút.
- Bài thi 3: Kỹ năng Nói, thời gian: 10-12 phút

Kết quả đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào được xét theo Bảng 1. Trong đó, sinh viên chỉ được xét miễn tối đa đến học phần Researcher English.

**Bảng 1 - Các học phần Tiếng Anh World English chương trình đại học bằng Tiếng Anh**

STT	Tên học phần	Điểm thi xếp lớp CEPT	Số tín chỉ	Số tiết học trên Lớp	Lộ trình tiếng Anh chuẩn
1	Intensive Preliminary English	20 đến 29	-	225	Học dự bị trong thời gian 1 Học kỳ
2	Influencer English	30 đến 39	5	120	HK1
3	Researcher English	40 đến 48	5	120	HK2
4	Master English	≥ 49	5	135	HK3

**Bảng 2 – Bảng xét miễn học phần tiếng Anh World English**

STT	Học phần được xét Miễn	Điểm IELTS	Điểm TOEFL iBT	Điểm Cambridge Exams	Điểm Cambridge Linguaskill	TOEIC 4 kỹ năng		
						Nghe & Đọc	Viết	Nói
1	Intensive Preliminary English	5.0	≥ 49	B1 Pre/B2 First/BEC Pre/ BEC Van ≥ 140	≥ 140	≥ 550	≥ 120	≥ 120
2	Influencer English	5.5	≥ 70	B1 Pre/ B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160	≥ 160	≥ 785	≥ 150	≥ 160
3	Researcher English							
4	Master English	6.0	≥ 80	B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van/ BEC Higher ≥ 169	≥ 169	≥ 785	≥ 160	≥ 170

Sau khi Sinh viên học xong chương trình dự bị Tiếng Anh, **nếu đạt học phần Intensive Preliminary English** sẽ được xét đủ điều kiện đầu vào Tiếng Anh của chương trình đại học bằng Tiếng Anh.

Sinh viên học môn học **Influencer English, Researcher English, Master English** nếu chưa đạt phải đăng ký học lại các học phần này theo quy định. Kết thúc khóa học Master English, sinh viên phải tham gia dự thi chứng chỉ quốc tế để đạt điểm IELTS ≥ 6.0 hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương đương (theo Bảng 2) để đạt chuẩn đầu ra. Lệ phí thi các kỳ thi chứng chỉ quốc tế sẽ do sinh viên đóng.

**Bảng 3. Học phí chương trình World English (Intensive)**

<b>STT</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Môn học</b>	<b>Chứng chỉ quốc tế được miễn học theo cấp độ tương ứng</b>	<b>Học phí (đ)</b>
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)
2	B1	Preliminary English (225 tiết)	- IELTS 5.0 - TOEFL iBT $\geq$ 49 - B1 Pre/B2 First/BEC Pre/ BEC Van/ Linguaskill $\geq$ 140 - TOEIC: $\geq$ 550(L+R), $\geq$ 120(W), $\geq$ 120(S)	13.500.000
3	B1+	Influencer English (120 tiết)	- IELTS 5.5 - TOEFL iBT $\geq$ 70 - B1 Pre/ B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van/ Linguaskill $\geq$ 160	8.500.000
4	B2	Researcher English (120 tiết)	- TOEIC: $\geq$ 785(L+R), $\geq$ 150(W), $\geq$ 160(S)	8.500.000
5	B2+	Master English (135 tiết)	- IELTS 6.0 - TOEFL iBT $\geq$ 80 - B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van/ BEC Higher/ Linguaskill $\geq$ 169 - TOEIC: $\geq$ 785(L+R), $\geq$ 160(W), $\geq$ 170(S)	9.500.000